

TOÀN CẦU HOÁ VÀ MỘT SỐ LUẬN ĐIỂM VỀ TOÀN CẦU HOÁ

ThS. KIỀU THỊ THANH *

Toàn cầu hoá kinh tế - thường được gọi tắt là toàn cầu hoá - thể hiện sâu sắc sự kết nối và phụ thuộc lẫn nhau về nhiều lĩnh vực như kinh tế, văn hoá, chính trị, xã hội ngày càng gia tăng giữa các quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, khi mà các quan hệ kinh tế - thương mại giữa các nước ngày nay, dù trực tiếp hay gián tiếp, luôn là mối quan tâm trước hết và hàng đầu ở hầu hết các hội nghị, diễn đàn song phương hay đa phương thì tâm điểm của toàn cầu hoá luôn là các quan hệ kinh tế cũng như điểm mấu chốt của toàn cầu hoá kinh tế luôn là tự do hoá thương mại, với mục tiêu xoá bỏ các rào cản thương mại hoặc các cản trở khác đối với tự do thương mại trên phạm vi toàn cầu.

Toàn cầu hoá được hầu hết các học giả ở khắp nơi trên thế giới công nhận là khuynh hướng khách quan trong sự phát triển của kinh tế thế giới, gắn với sự phát triển của kinh tế thế giới ngày nay chủ yếu dựa vào sự kế thừa, sáng tạo và phát triển kiến thức, chất xám và các sản phẩm thuộc tài sản trí tuệ đang ngày càng trở nên có giá trị thương mại lớn hơn bao giờ hết trong lịch sử phát triển của nó. Bên cạnh đó, cũng có quan điểm xem xét toàn cầu hoá chỉ với những "mặt trái" của nó, từ đó phản đối quyết liệt tiến trình toàn cầu hoá và tự do hoá thương mại đang diễn ra ngày càng nhanh, mạnh hơn giữa các quốc gia. Ngoài hai khuynh hướng này, một số học giả khác thừa nhận

tính tất yếu khách quan của tiến trình toàn cầu hoá với những ưu điểm nổi trội đồng thời chỉ ra và tìm cách hạn chế những tác động tiêu cực của nó, đặc biệt khi những tác động này có thể là rất xấu đối với các nước nghèo hoặc các nước đang phát triển.

Trước hết cần phải có khái niệm hoặc cách hiểu chung về toàn cầu hoá nhưng trong thực tế, điều này không dễ dàng, thậm chí còn khá phức tạp khi mà toàn cầu hoá nói chung được hiện diện như là "một trong số những vấn đề thu hút được sự quan tâm sâu sắc và gây tranh luận nhiều nhất".⁽¹⁾ Các nhà kinh tế học, các nhà hoạch định chính sách, các nhà chuyên môn khác... từ môi trường làm việc hoặc học thuật, khi nghiên cứu toàn cầu hoá thường gắn với nơi phát nguồn các sách lược kinh tế quốc tế hoặc quốc gia như các tổ chức, các cơ quan thuộc Liên hợp quốc, Ngân hàng thế giới hoặc các thiết chế thương mại, tài chính, tiền tệ khác, các trường đại học hoặc các viện, các cơ quan nghiên cứu, phát triển kinh tế quốc gia hoặc khu vực. Mỗi một khái niệm, một định nghĩa hay một cách hiểu về toàn cầu hoá xuất phát từ các học giả này không chỉ thể hiện trình độ chuyên sâu của họ mà còn gắn với việc nghiên cứu từ góc độ nào, người đưa ra khái niệm ủng

* Giảng viên Khoa luật dân sự
Trường Đại học Luật Hà Nội

hộ hay phản đối hoặc thể hiện quan điểm trung hoà đối với toàn cầu hoá. Với một thực tế như vậy, thậm chí người ta còn kết luận rằng: *“bất kể các cuộc tranh luận (về toàn cầu hoá) vẫn đang tiếp tục diễn ra với tần số và quy mô lớn, các khái niệm và hình ảnh về toàn cầu hoá nói chung sẽ vẫn giữ lại dáng vẻ không thống nhất và thiếu toàn diện của nó”*.⁽²⁾

Minh chứng cho luận điểm này, người ta trích dẫn việc một số người xem xét toàn cầu hoá trong tính hệ thống và trên phạm vi “toàn cầu” với luận điểm rằng kinh tế thế giới ngày nay hầu như chỉ có một con đường phát triển duy nhất gắn với những thành tựu về chính trị, về kinh tế và tự do hoá thương mại kể từ thời điểm kết thúc chiến tranh lạnh cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990, gắn với sự tan rã của Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu. Bên cạnh đó, có quan điểm khác không đồng tình việc sử dụng thuật ngữ “toàn cầu hoá”. Để chỉ tiến trình liên kết, hội nhập ngày càng sâu sắc nhưng vẫn phản ánh đầy đủ nguyên tắc chủ quyền quốc gia không thể can thiệp giữa các nước trên thế giới ngày nay, những người theo quan điểm này cho rằng thuật ngữ thích hợp hơn sẽ là “quốc tế hoá”.

Nhiều học giả khác nghiên cứu toàn cầu hoá từ những góc độ khác. Trong khi một số người đưa ra khái niệm về toàn cầu hoá trên phương diện của sự thay đổi, sự dịch chuyển ngày càng gia tăng các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ qua biên giới giữa các quốc gia với kết quả nổi bật của sự thay đổi, dịch chuyển này đã và đang làm xuất hiện một nền kinh tế mang tính thống nhất toàn

cầu thực sự; một số người khác lại hoặc là định nghĩa về toàn cầu hoá cơ bản dựa vào sự dự đoán hoặc nhìn nhận về tiềm năng tương lai của sự phát triển và hội nhập kinh tế thế giới theo sự phát triển vượt bậc của ngành công nghệ thông tin; hoặc lại cơ bản đánh giá về toàn cầu hoá theo sự phán đoán về khả năng và triển vọng của sự phát triển văn hoá, xã hội mang tính toàn cầu của xã hội loài người trong thế kỉ mới.

Mặc dù đặc điểm cơ bản và quan trọng nhất của toàn cầu hoá là nó tạo ra sự kết nối và sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng lớn và sâu sắc giữa các quốc gia đồng thời đã có sự thống nhất gần như tuyệt đối giữa các nhà nghiên cứu nhưng sự nhìn nhận về toàn cầu hoá ở nhiều bình diện khác nhau như trên chắc chắn dẫn tới sự đa dạng trong cách hiểu về toàn cầu hoá. Chẳng hạn, Friedman nhận định: *“Toàn cầu hoá là sự hội nhập mang tính tất yếu của các thị trường, các nhà nước ở cấp độ quốc gia và các loại công nghệ tới một cấp độ mà người ta chưa từng được chứng kiến trước đó. Sự hội nhập này tuân theo một cách thức mà sẽ tạo khả năng cho các cá nhân, các doanh nghiệp và các nhà nước vươn đến một thế giới phát triển hơn rất nhiều so với trước đó. Toàn cầu hoá không phải là một khuynh hướng đơn giản hoặc là một thứ mới mẻ thời trang, nó là một hệ thống quốc tế”*. Trong khi đó Jones lại viết: *“Toàn cầu hoá là quốc tế hoá về tài chính và sản xuất, sự gia tăng về yêu cầu chuyển giao công nghệ và kết nối ngày càng chặt chẽ hơn giữa mọi người cùng tồn tại trong thế giới ngày nay”*. Mở rộng hơn nữa, Báo cáo phát triển

con người năm 1999 của Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) nhấn mạnh: *“Toàn cầu hoá là sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng tăng lên giữa mọi người trên thế giới. Nó là một quá trình trong đó sự hội nhập giữa các quốc gia không chỉ về kinh tế mà còn về văn hoá, công nghệ và quản lí, điều hành”*.

Tổng hợp, phân tích các quan điểm đa dạng về toàn cầu hoá cùng các đặc điểm của nó cũng như nghiên cứu nhằm đưa ra các khuyến nghị tới các tổ chức, hội nghị, chương trình quốc tế có liên quan tới toàn cầu hoá, tới sự tăng trưởng và phát triển của kinh tế thế giới là một trong những công việc của một số cơ quan thuộc Liên hợp quốc. Trên cơ sở đó, họ đã đưa ra bốn đặc điểm quan trọng nhất của toàn cầu hoá,⁽³⁾ đó là:

- Toàn cầu hoá là sự hội nhập và phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia (mang tính chất toàn cầu) ngày càng tăng lên;

- Toàn cầu hoá không phải là hiện tượng hoàn toàn mới. Trong thực tiễn, việc quốc tế hoá các quan hệ thương mại - gắn liền với quan điểm về tự do hoá thương mại - đã có sự phát triển tương đối lâu dài trong lịch sử thương mại quốc tế;

- Toàn cầu hoá không chỉ về kinh tế mà mang tính đa phương diện. Nó bao trùm các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội;

- Toàn cầu hoá được đặc tính hoá với những dòng chảy quốc tế mạnh mẽ chưa từng có trước đó về hàng hoá và dịch vụ, về tài chính tư, về sự lan truyền của các quan điểm và khuynh hướng cũng như về sự lộ diện của những xu hướng chính trị và xã hội mới.

Bên cạnh sự khác biệt trong việc đưa ra định nghĩa, quan điểm, cách nhìn về toàn cầu hoá, sự không đồng tình giữa các học giả về hiện tượng này còn được biểu hiện ở những góc độ khác. Một trong những sự khác biệt khá sâu sắc giữa họ thể hiện ở sự đề cập mức độ (độ sâu) và phạm vi (chiều rộng) của sự hội nhập mà toàn cầu hoá mang đến cho kinh tế thế giới.

Có thể liệt kê bốn quan điểm đại diện cho sự khác biệt này.⁽⁴⁾ Quan điểm thứ nhất định dạng toàn cầu hoá với sự thuần nhất ngày càng tăng lên giữa các quốc gia trong hệ thống kinh tế toàn cầu, từ đó họ thậm chí cho rằng có thể nhìn thấy khả năng tương đối chắc chắn của “sự đồng nhất hoá” hay “sự nhất thể hoá” thế giới. Thế giới trong tương lai có thể hoà đồng như một hoặc làm phù hợp với sự nhìn nhận của các tác giả theo quan điểm này. Thực tiễn lịch sử phát triển thế giới gần đây ít nhiều chứng minh luận điểm của các học giả này. Chẳng hạn, lịch sử phát triển của các nước châu Âu từ những quốc gia riêng biệt tiến tới việc hình thành Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) trong nhiều năm đầu thành lập tổ chức này và trở thành Liên minh châu Âu (EU) với 25 quốc gia thành viên như hiện nay. Thực tế, các học giả theo quan điểm này thường có xuất phát điểm từ sự ủng hộ vai trò của số ít các “cường quốc” trong hệ thống kinh tế, chính trị thế giới.

Không đồng tình với quan điểm thứ nhất, quan điểm thứ hai cho rằng sự đồng nhất hoá hay sự nhất thể hoá thế giới sẽ không có mấy khả năng xảy ra, mặc dù quan điểm này cũng thừa nhận khả năng

chắc chắn của một loạt những thay đổi lớn cả về số lượng và chất lượng trong mối quan hệ giữa các quốc gia, giữa các nhà nước. Những thay đổi này sẽ được kết hợp với nhau để xác lập một điều kiện mới hoặc một cách thức mới trong việc giải quyết các công việc của kinh tế thế giới cũng như giải quyết những bất ổn giữa các quốc gia. Đây là quan điểm bảo vệ đến cùng chủ quyền quốc gia, nghiêng về các quốc gia yếu thế về kinh tế và trình độ phát triển nhưng độc lập và bình đẳng với các quốc gia khác về tư cách pháp lí khi đàm phán, thương lượng và bỏ phiếu về các vấn đề liên kết quốc tế. Với số lượng khá lớn các quốc gia này trên thế giới ngày nay, rõ ràng họ có thể triệt để khai thác thế mạnh gắn với sự đông đảo của mình để cân bằng hơn các lợi ích kinh tế, chính trị, pháp lí với các quốc gia giàu có và phát triển khác. Thực chất, các học giả xem xét toàn cầu hoá dưới góc độ này vừa có sự tách bạch nhất định, vừa có sự giao chiều không thể tách rời các quan hệ kinh tế, chính trị, pháp lí giữa các nước từ đó khẳng định mức độ sâu sắc và phạm vi rộng khắp của toàn cầu hoá kinh tế trên cơ sở của nguyên tắc độc lập và tôn trọng lẫn nhau, cùng phát triển và cùng có lợi trong bối cảnh ngày càng phức tạp của các quan hệ kinh tế, chính trị thế giới.

Ngược lại với sự khẳng định mạnh mẽ tính chất sâu rộng của toàn cầu hoá trong hai quan điểm trên, quan điểm thứ ba nhìn nhận về triển vọng của toàn cầu hoá ở mức độ và phạm vi không đáng kể. Các học giả ủng hộ quan điểm này cho rằng mặc dù trong vài thập kỉ gần đây, nhiều bước phát

triển quan trọng trong các quan hệ kinh tế, thương mại quốc tế thực sự là những cột mốc đánh dấu tầm quan trọng ngày càng gia tăng của các quan hệ này trong sự phát triển chung của các quốc gia trên thế giới nhưng điều đó thuộc về các ngành khoa học nghiên cứu về kinh tế, chính trị, xã hội với sự mở rộng hơn, phức tạp hơn về đối tượng và phạm vi nghiên cứu của các ngành khoa học này; không bao hàm và dẫn đến sự thiết lập một kỉ nguyên mới với cách thức giải quyết mới các công việc của thế giới. Nói cách khác, các học giả đưa ra quan điểm này đã nhìn nhận và xem xét vấn đề ở góc độ tương đối hẹp. Toàn cầu hoá, theo họ, chỉ dẫn tới kết quả nổi bật nhất là sự mở rộng đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học với những lí thuyết mới, những giả định mới, những cuộc tranh luận ngày càng sâu sắc và toàn diện hơn về toàn cầu hoá.

Cuối cùng, có những học giả xem xét toàn cầu hoá hay sự kết nối ngày càng chặt chẽ hơn giữa các quốc gia trên thực tế là một hiện tượng bình thường như hàng ngàn, hàng triệu hiện tượng, sự vật khác nhau của đời sống vẫn liên tục nảy sinh, tồn tại, phát triển và lụi tàn trong cuộc sống của loài người từ xưa tới nay. Họ cho rằng sẽ chẳng có gì “quan trọng” hoặc “chỉ có tính cách một chiều” đã hoặc đang diễn ra với thế giới.

Cùng với tính đa sắc thái của các nghiên cứu về toàn cầu hoá, thái độ của các nhà nghiên cứu đối với toàn cầu hoá cũng rất khác biệt. Trong khi nhiều học giả ủng hộ triệt để tiến trình toàn cầu hoá thì nhiều người khác kiên quyết phản đối tiến trình này. Nhiều ý kiến khác lại thể hiện lập

trường trung hoà đối với tiến trình nóng bỏng này của thế giới.

Những người lạc quan về toàn cầu hoá thì cho rằng với đặc điểm cơ bản của toàn cầu hoá là không chỉ làm tăng thêm mức độ rất lớn sự kết nối mà còn bao hàm sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, sự hội nhập của các quốc gia vào nền kinh tế toàn cầu, toàn cầu hoá rõ ràng đã và đang tạo ra những cơ hội, những tiềm năng cho sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia. Nhiều bằng chứng và kết quả của chính sách mở cửa kinh tế từ nhiều nước cho thấy tự do hoá thương mại đã dẫn đến sự thu hút và tăng đầu tư trực tiếp nước ngoài, gia tăng sự chuyển giao công nghệ tiên tiến, tăng tỉ lệ hàng hoá xuất khẩu, tăng thu nhập bình quân đầu người... Điều này càng đặc biệt có ý nghĩa khi các con số này phát nguồn từ các nước đang phát triển hoặc các nước nghèo có thu nhập bình quân đầu người thấp hoặc thậm chí rất thấp.

Bên cạnh đó, những người triệt để ủng hộ toàn cầu hoá cũng cho rằng với việc sử dụng mạng lưới thông tin toàn cầu ngày càng rộng rãi và phổ biến, toàn cầu hoá đã và sẽ làm tăng thêm nhận thức của mọi người trên khắp thế giới về sự vi phạm các quyền con người, về sự lạm dụng lao động trẻ em, về tình trạng tham nhũng, về bạo lực... từ đó nó không chỉ tạo ra những cơ hội tốt cho sự đấu tranh ngăn chặn, hạn chế những hiện tượng này mà còn tạo ra những cơ hội lớn cho việc thực hiện tiến trình dân chủ, bảo đảm các quyền cơ bản của con người trên phạm vi toàn thế giới. Sự ủng hộ toàn cầu hoá còn đến mức có người trong số

họ thậm chí đã sử dụng thuật ngữ “ignorant protectionists” (những kẻ bảo vệ xuẩn ngốc)⁽⁵⁾ để gọi những người tham gia biểu tình bảo vệ các quan hệ kinh tế, sản xuất nội địa và phản đối toàn cầu hoá, phản đối sự lan rộng của các dòng chảy tài chính và tiền tệ từ các quan hệ đầu tư nước ngoài vào thị trường nội địa. Những người tham gia các cuộc biểu tình này thường nhận thức rằng các dòng chảy đầu tư tài chính và tiền tệ nước ngoài vào nội địa thường đi kèm theo những yêu cầu không mấy vô tư dẫn tới sự thay đổi nhiều thiết chế kinh tế, hành chính, tổ chức của một quốc gia. Sự thay đổi này thường dẫn tới những hậu quả tiêu cực cho sản xuất nội địa, đặc biệt là cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, ảnh hưởng trực tiếp tới lợi ích của nhiều người, đặc biệt là của nông dân, cùng với nhiều tầng lớp khác trong quốc gia đó.

Giống như quan điểm ủng hộ toàn cầu hoá, những người phản đối toàn cầu hoá cũng hết sức quyết liệt. Họ xem toàn cầu hoá như một nguồn cội của bất công và tham nhũng, của ô nhiễm môi trường và của một thế giới trong đó sự nghèo đói luôn tồn tại và số lượng người nghèo tăng lên rất nhanh.⁽⁶⁾ Những người này không thấy sự tốt đẹp của toàn cầu hoá khi nhìn vào những con số về một thế giới mà ở đó có sự cách biệt khủng khiếp về thu nhập, về sự chiếm hữu của cải, về khoảng cách kẻ giàu người nghèo giữa các giai tầng khác nhau, không chỉ khép kín trong một quốc gia mà còn bộc lộ trong khung cảnh chung của thế giới. Họ cho rằng toàn cầu hoá không thể tạo ra một thế giới phát triển khi mà chỉ 1/5 dân số

giàu có toàn cầu đã sở hữu tới 1/3 lượng của cải của thế giới.⁽⁷⁾ Cũng không thể nhìn thấy thế giới phát triển tốt đẹp song hành với toàn cầu hoá khi mà trên thế giới mỗi năm có tới vài trăm triệu trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng vì thiếu đói; gần 15 triệu trẻ em chết mỗi năm vì những căn bệnh liên quan tới nạn đói và khoảng 100 triệu trẻ em vẫn phải sống và làm việc lang thang, vất vưởng trên đường phố không nhà cửa, không nơi nương tựa.⁽⁸⁾

Thêm vào các số liệu về tình trạng và hoàn cảnh xã hội bức bối nêu trên là bức tranh môi trường toàn cầu với sự ô nhiễm (không khí, nguồn nước, tiếng ồn...) ngày càng trở nên đáng báo động. Với một lượng khí thải carbon dioxide khổng lồ ngày đêm cuốn vào khoảng không, bầu khí quyển trái đất - "lớp áo" bảo vệ hữu hiệu cuộc sống của con người trên hành tinh "sông" này đang ngày ngày thay đổi đáng kể hình dạng của nó. Lượng khí thải đó - thực chất là mặt sau của xã hội phát triển, của tăng trưởng và phát triển kinh tế - chủ yếu phát nguồn từ hoạt động của các ngành công nghiệp ở một số quốc gia công nghiệp hoá giàu có, từ hoạt động của các sản phẩm công nghiệp thể hiện "bước tiến tột bậc" trong sản xuất và tiêu dùng của xã hội loài người. Tất cả đã góp phần làm tăng thêm sự lo ngại trước những dự báo đáng buồn về tình trạng nóng lên toàn cầu, làm tăng thêm mức độ ngột ngạt của cảm giác lo sợ về sự thay đổi thời tiết và khí hậu trái đất của nhiều người trên khắp hành tinh. Bên cạnh đó, các sự kiện thiên tai bất thường với sức tàn phá khủng khiếp của nó xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới

càng làm cho nhiều người ngày càng trở nên bi quan hơn về sự phát triển kinh tế thế giới gắn với bức tranh toàn cầu hoá.

Giữ lập trường trung hoà giữa quan điểm ủng hộ và quan điểm phản đối toàn cầu hoá là các ý kiến vừa ghi nhận những mặt tích cực không thể phủ nhận vừa phân tích, mổ xẻ và cố gắng tìm ra cách thức để ngăn ngừa, giảm bớt những hạn chế khó chối cãi của tiến trình này. Thực chất quan điểm này bao gồm sự dung hoà giữa quan điểm ủng hộ triệt để và quan điểm phản đối quyết liệt toàn cầu hoá và tự do hoá thương mại.

Phải thừa nhận một thực tế rằng toàn cầu hoá và tự do hoá thương mại rõ ràng đã mang lại những thay đổi lớn trong hoạt động kinh doanh, thương mại thế giới cũng như làm thay đổi đáng kể diện mạo kinh tế thế giới. Chưa bao giờ người ta được chứng kiến những dòng chảy đầu tư mạnh mẽ đến như vậy giữa các nền kinh tế trên thế giới. Dòng chảy này thường từ các nước công nghiệp phát triển tới các quốc gia đang phát triển. Điều này đã góp một phần quyết định trong sự phát triển cơ sở hạ tầng, làm tăng đáng kể các cơ hội tìm kiếm việc làm cũng như thu nhập cho người dân ở các nước nghèo, tăng thu nhập quốc dân cũng như GDP bình quân đầu người, làm thay đổi đáng kể bức tranh kinh tế quốc gia, tăng vị thế quốc gia trong quan hệ kinh tế quốc tế...

Để minh hoạ cho luận điểm trên, người ta thường dẫn chứng về sự phát triển vượt bậc trong nhiều lĩnh vực kinh tế của Trung Quốc - quốc gia đông dân nhất thế giới và là một trong sáu quốc gia có diện tích lớn nhất thế giới - với những điều kiện và khả

lai không mấy sáng sủa cho hầu hết người lao động phổ thông - họ thường chiếm một tỉ lệ rất lớn trong số người đang ở độ tuổi lao động ở các nước nghèo hoặc đang phát triển, khi nó có thể đẩy phần lớn trong số họ vào tình trạng thất nghiệp do họ không có hoặc chỉ có kĩ năng lao động ở trình độ thấp, không thể đáp ứng được yêu cầu của các công việc trong các nền kinh tế ngày càng phát triển dựa trên trình độ tri thức và lao động sáng tạo cao.

Tuy nhiên, sâu xa và đáng quan tâm nhất, mấu chốt của mọi vấn đề gắn với mặt sau của bức tranh toàn cầu hoá là tiến trình này sẽ ngày càng mở rộng hơn sự phụ thuộc của các quốc gia nghèo, kém phát triển vào các nền kinh tế lớn và phát triển của thế giới. Các nguyên tắc bình đẳng, hợp tác và cùng có lợi trong hoạt động kinh tế, thương mại quốc tế nhiều khi chỉ mang tính hình thức. Đây là cán cân bất lợi nhất, là sự thể hiện mối quan hệ bất bình đẳng khó xoá bỏ nhất giữa các nước giàu với các nước nghèo, giữa các quốc gia đầy tiềm lực kinh tế với các quốc gia khác. Có thể chứng minh điều này không mấy khó khăn khi gắn nó với lịch sử hình thành, tồn tại và hoạt động của Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Với rất nhiều vòng đàm phán khác nhau, kể cả trước và sau khi tổ chức này được thành lập và chính thức hoạt động từ năm 1995, người ta chỉ thấy nổi lên vai trò của Mỹ, kế tiếp là của Liên minh châu Âu (EU) và tiếp theo là của một số quốc gia khác như Nhật, Canada trong yêu cầu thiết lập và thoả thuận nhiều điều khoản quan trọng của tổ chức kinh tế lớn nhất và quan

trọng nhất hành tinh này.⁽¹³⁾ Nhiều điều khoản trong các hiệp định phụ lục của WTO hầu như là sự phản ánh quan điểm lập pháp của các điều khoản tương ứng trong luật pháp Mỹ, đặc biệt là các điều khoản của Hiệp định về các khía cạnh liên quan thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPs). Bên cạnh đó, trong thực tiễn hoạt động của WTO cũng như tổ chức tiền thân của nó là GATT (1947-1994), các vụ tranh chấp thương mại quốc tế xảy ra chủ yếu giữa Mỹ, Liên minh châu Âu, Canada, Nhật với một số nước khác mà kết quả giải quyết thường nghiêng về bên có thế mạnh kinh tế. Không chỉ Việt Nam, Thailand, Brazil và một số quốc gia khác trong vài năm trở lại đây mới là bị đơn trong một số vụ kiện liên quan đến việc bán phá giá loại cá da trơn và tôm đông lạnh vốn được dân Mỹ rất ưa dùng mà trước đó, cũng đã có nhiều vụ tranh chấp quyết liệt giữa Mỹ và Canada về xuất bản tạp chí, giữa Mỹ và Trung Quốc về quyền tác giả, giữa Mỹ và châu Âu về xuất khẩu và nhập khẩu một số sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp (chuối và thép). Không chỉ hoạt động của WTO mà còn hoạt động của nhiều thiết chế thương mại, tài chính quốc tế khác, bao gồm Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) đều được lái theo khuynh hướng có lợi cho các nước công nghiệp phát triển, đặc biệt là Mỹ. Chẳng hạn, nhiều điều khoản tín dụng từ Ngân hàng thế giới, bên cạnh các khía cạnh tích cực mang tính bề nổi là nhằm thực hiện chương trình “xoá đói giảm nghèo”, chống tham nhũng, chống thất thoát từ phía công quyền của các nước là “con nợ” của các

khoản vay này, thực chất luôn bao hàm nội dung tái thiết, sắp xếp và thay đổi cơ bản các quan hệ kinh tế, thương mại, tài chính - ngân hàng đang có tâm điểm và sự điều hành từ mỗi quốc gia hướng tới một sự thống nhất mang tính khu vực hoặc toàn cầu, ngày càng làm tăng lên sự lệ thuộc của các quốc gia nghèo vào các nước giàu.⁽¹⁴⁾

Giải quyết mối quan hệ tích cực - tiêu cực của tiến trình toàn cầu hoá như thế nào, trong điều kiện việc hội nhập vào tiến trình này hầu như là sự lựa chọn duy nhất cho tất cả các nước trên thế giới ngày nay, là vấn đề vô cùng nhạy cảm và hết sức phức tạp không chỉ của riêng một quốc gia mà của nhiều nước trên thế giới. Một trong số các vấn đề cơ bản và quan trọng hiện nay là cân cân lợi ích kinh tế thực tế không cân bằng giữa các nước phát triển và đang phát triển trong nhiều điều khoản và hoạt động của WTO. Nhằm tái cân bằng mối quan hệ này, các nước đang phát triển cần khuyến khích xây dựng và phát triển quan hệ đoàn kết nội bộ giữa họ để từ đó khai thác tối đa lợi thế về số lượng, trong việc sử dụng lá phiếu của họ tại các vòng điều đình hiện tại và tương lai của WTO.⁽¹⁵⁾ Bên cạnh đó là những bất cập lớn không chỉ liên quan đến rào cản ngôn ngữ nhằm dự phần soạn thảo, giải thích và vận dụng đúng các điều khoản của các hiệp định hoặc công ước quốc tế⁽¹⁶⁾ mà còn liên quan đến những bất cập và yếu điểm về nhân tố và nguồn lực tham gia đàm phán của các nước đang phát triển.⁽¹⁷⁾ Điều này đòi hỏi các nước đang phát triển nhất thiết phải có kế hoạch đào tạo các chuyên gia đàm phán có trình độ năng lực ngang

tầm với các chuyên gia từ các nước phát triển - gắn với tiến trình hoạt động hiện tại và tương lai, với các vòng đàm phán tiếp theo của Tổ chức thương mại thế giới - khi mà sự thành lập, tồn tại và hoạt động của tổ chức này chính là biểu hiện tập trung và sâu sắc nhất của tiến trình toàn cầu hoá kinh tế thế giới từ trước đến nay./.

(1), (2), (3), (4), (7): Xem: United Nations World Public Sector Report: *Globalization and the State 2001*, New York & Geneva.

(5), (8), (12): Xem: International Forum on Globalization 2002: *Alternatives to Economic Globalization - A Better World is Possible*, Berrett - Koehler INC, San Francisco.

(6): Xem: Jay R. Mandle 2003, *Globalization and the Poor*, Cambridge University Press, Cambridge.

(9): Xem: Xiaobing Tang 2001, 'Accession of China to the WTO: Advantages and Challenges', United Nations, *WTO Accession and Development Policies*, New York & Geneva.

(10), (11): Xem: Mark Williams 2003, *Adopting a Competition Law in China - China and the World Trading System: Entering the New Millennium*, Cambridge University Press, Cambridge.

(13) Xem: Christopher Arup 2000, *The New World Trade Organization Agreements*, Cambridge University Press, Cambridge; Duncan Matthews 2002, *Globalising Intellectual Property Rights: the TRIPs Agreement*, Routledge, New York; Jayashree Watal 2001, *Intellectual Property Rights in the WTO and Developing Countries*, Oxford University Press, New Delhi.

(14).Xem: Olli Tammilehto 2003, *Globalization and Dimensions of Poverty*, Hakaipaino Oy, Helsinki.

(15).Xem: Jayashree Watal 2001, Sđd.

(16).Xem: Jayashree Watal 2001 & Olli Tammilehto 2003, Sđd.

(17).Xem: Murray Gibbs 2001, 'UNCTAD's role in the WTO accession process', United Nations, *WTO Accession and Development Policies*, New York & Geneva.